

XBP      VV  
            33

# PHƯỚC AN

## XÃ ANH HƯNG



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

**PHƯỚC AN**  
**XÃ ANH HÙNG**  
**(LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG)**

**NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI 1985**

Chỉ đạo thực hiện : **HUYỆN ỦY LONG THÀNH**  
Biên soạn : **ĐỖ TIẾN KHẢI – ĐÀM ĐỨC THUNG**  
Hiệu đính : **LÊ PHẢI**

**LỜI GIỚI THIỆU**

*Phước An là một trong 4 xã anh hùng của huyện Long Thành. Mảnh đất nhỏ bé này, trong cuộc kháng chiến chống Pháp đã từng được mệnh danh là “Thủ đô của Long Thành kháng chiến”. Cả tỉnh Biên Hòa lúc đó đều biết rõ Phước An. Cả miền Đông Nam Bộ đều biết “Chiến khu Phước An”.*

*Bước sang thời kỳ chống Mỹ, cường độ chiến tranh ác liệt gấp nhiều lần thời kỳ chống Pháp. 4 trong số 6 ấp, xóm của xã Phước An bị kẻ thù bắn phá, hủy diệt, nhưng nhân dân, du kích và cán bộ Phước An, dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng đã kiên cường bám trụ, quyết tâm chiến đấu bằng tất cả sức mạnh của mình cho đến ngày toàn thắng, giải phóng quê hương.*

*Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Đồng Nai, sự giúp đỡ và phối hợp của phòng nghiên cứu lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban lịch sử quân sự Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai, Nhà xuất bản Đồng Nai, Huyện ủy Long Thành chủ trương triển khai phong trào viết lịch sử, truyền thống địa phương. Huyện lấy xã Phước An là điểm để rút kinh nghiệm.*

*Với mục đích viết lịch sử, truyền thống làm sao cho các tầng lớp nhân dân, cán bộ, chiến sĩ thích đọc, dễ hiểu nhằm giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong hai cuộc kháng chiến, tiếp tục phát huy sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, các đồng chí trong ban biên soạn đã có nhiều cố gắng sưu tầm tư liệu và biên soạn cuốn sách này.*

*Cuốn “Phước An xã anh hùng” đã dựng lại tương đối đầy đủ quá trình đấu tranh cách mạng của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân địa phương, nói lên quá trình phát triển và vai trò lãnh đạo của chi bộ Đảng đối với phong trào cách mạng của địa*

*phương, mô tả khá rõ nét và sinh động sự đóng góp to lớn, tinh thần chiến đấu anh dũng, bền bỉ của đồng bào, cán bộ và du kích Phước An trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ xâm lược. Do đó, cuốn “Phước An xã anh hùng” đã đóng góp một phần xứng đáng vào “kho tàng truyền thống” quý giá của huyện Long Thành, đáp ứng yêu cầu giáo dục truyền thống ở địa phương. Tuy nhiên, với thời gian có hạn, công tác sưu tầm tư liệu còn gặp nhiều khó khăn, kinh nghiệm biên soạn mới bước đầu, nên cuốn sách chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, rất mong bạn đọc, nhất là các đồng chí đã hoạt động qua các thời kỳ có liên quan đến Phước An đóng góp ý kiến để sửa chữa, bổ sung cho lần in sau.*

*Nhân dịp sách được xuất bản, thay mặt Ban Thường vụ huyện ủy Long Thành, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn các cơ quan và đồng bào, đồng chí đã góp công sức trong việc sưu tầm, biên soạn, xuất bản cuốn sách này.*

Long Thành, ngày 27 tháng 2 năm 1985

**TM. BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY**

**BÍ THƯ**

**NGUYỄN HẢI**

## **PHẦN THỨ NHẤT**

### **PHƯỚC AN**

Từ thị trấn Long Thành (tỉnh Đồng Nai) đi về phía nam theo lộ 19, tới cây số thứ 11, qua một chiếc cầu gỗ nhỏ mang tên cầu suối Dẹp, chúng ta sẽ bước chân vào một vùng đất đã có một thời từng được mệnh danh là “Thủ đô của Long Thành kháng chiến”, là “Sài Gòn mới”, đó là xã Phước An anh hùng.

Phía bắc Phước An là một vùng rừng Giồng bạt ngàn, giáp ranh với rừng Giồng là các xã Phước Thọ, Phước Lai, Phú Hội, Long Tân, Phú Thạnh. Phía đông, ngăn cách với xã Phước Thái, nằm dọc lộ 15, bởi ngọn sông Thị Vải. Phía tây là xã Vĩnh Thanh và phía nam Phước An là một vùng rừng Sác mênh mông nối liền voi rừng Sác các huyện Quảng Xuyên và Cần Giờ (Duyên Hải ngày nay), được phân biệt địa giới bởi một phần sông Đồng Tranh, tác Nước Hôi và một phần sông Đồng Kho.

Tính từ điểm địa đầu tới tận cùng phía tây trên đường 19, Phước An có chiều dài 11km. Chiều ngang, nơi rộng nhất, từ cầu suối Dẹp tới ngã ba sông Đồng Kho và sông Ba Gioi là 10 km. Với 10.997,8 héc-ta, Phước An có diện tích tự nhiên lớn thứ hai trong huyện. Tuy nhiên, diện tích canh tác thì chỉ có 509,8 héc-ta, bằng một xã loại trung bình. Phần đất còn lại chủ yếu là rừng Giồng 2.579,7 héc ta và rừng Sác

2.464,2 héc-ta.

Từ phía bắc, rừng Giồng tràn xuống sát lộ 19. Nhiều nơi như ở Bà Trường, Bào Bông chỉ cần đi sâu vào mé đường chừng hơn trăm thước, có chỗ chỉ hơn chục thước, là đã lọt vào rừng.

Xưa kia, thuở những người dân Việt đầu tiên, sau lưng chiếc gùi, trên tay dao phát, tới vùng này mở đất kiếm sống, rừng Giồng Phước An còn là một vùng rừng già thâm u, hoang dã, với những thân cổ thụ hai ba người ôm. Phần lớn cây rừng Giồng là dầu, rồi đến dền dền, chò, sến, sao... các loại thú rừng như hươu, nai, mang, chồn, heo, trăn... đều có. Ở Phước An đến nay vẫn còn lưu truyền câu chuyện dân gian về bà Mười Nhị, ở Bà Trường, một bà mụ giỏi có tiếng trong vùng, vào một đêm trăng sáng được “Ông Cọp” cống vào rừng đỡ đẻ cho “Cọp bà”, sau đó trả ơn bằng một con heo rừng rất lớn. Một câu chuyện khác kể về ông Lượng, người Rạch Mối, tay không vô rừng bắt cọp cuội về dạo khắp lân ấp. Những truyền thuyết đó, tuy hoang đường, song đã chứng tỏ khi ấy trên vùng đất này có không ít hổ báo.

Chim chóc rừng Giồng cũng nhiều giống như ở mọi vùng rừng khác nhưng đặc biệt nhiều là loại chim xanh.

Với độ cao trung bình từ 10 đến 20 mét so với mặt biển và là loại đất phù sa cổ, phù hợp với một số cây công nghiệp, rừng Giồng Phước An trong thời thuộc Pháp đã là mục tiêu lập sở cao su của nhiều điền chủ giàu có.

Rồi có một thời, cùng với nhân dân Phước An, rừng Giồng cũng phải gánh chịu những tổn thất to lớn bởi hàng trăm tấn bom đạn, thuốc độc hóa học, thuốc khai quang trút xuống, và hàng trăm xe tăng, xe ủi chà sát với ý đồ “Lật úp chảo” đẩy “Việt Cộng” ra khỏi khu vực này.

Ngày nay, đứng trên một điểm cao trong rừng ta có thể phóng tầm mắt xa vài cây số đến các vùng lân cận. Rừng Giồng chỉ còn là một vùng cây thấp với những bụi chồi lúp xúp, khô cằn và rất ít chim chóc, muông thú.

So với rừng Giồng, ở phía nam Phước An, rừng Sác cách xa lộ 19 hơn một chút, bởi những khu vườn tược, nhà cửa và những dãy ruộng lúa nước ngọt, nước lợ.

Nằm trong vòng cung rừng Sác mệnh mông ở đông nam thành phố Hồ Chí Minh, từ Vũng Tàu tới cửa sông Nhà Bè, rừng Sác Phước An ở đúng nơi chính giữa của cánh cung ấy và nó cũng có đầy đủ những đặc trưng của vùng đất sinh lầy ngập mặn đó.

Cây rừng Sác có đước, dà, su, bần, mắm, cóc, chà là, dừa nước... Trong đó nhiều nhất là đước, dà, bần, mắm. Cây dà có 3 loại : dà hôi, dà đỏ, dà cái. Bần cũng có 3 thứ: bần ổi, bần đắng, bần rạch. Mắm thì có : mắm nước mặn, mắm nước ngọt... Người ta lấy đước, dà, su, bần để làm nhà; làm củi. Cột nhà bằng cóc rất bền. Riêng cây đước là loại cây đứng hàng đầu về kinh tế trong những loại cây của rừng Sác... Người ta tính rằng 1 héc-ta đước khai thác luân kì trong 20 năm sẽ đem lại cho 130 si-te củi, 2.500 cây cột... Bình quân mỗi năm thu vào ngân sách nhà nước từ 8.000 đồng đến 9.000 đồng (Thời giá năm 1981)<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> “Chiến khu Rừng Sác” của Lương Văn Nho, Nhà Xuất bản Đồng Nai 1983.

Bên cạnh cây rừng Sác, Phước An còn có nguồn hải sản phong phú. Giữa những rễ bần, đước, chà chi chít ngập trong nước mặn, trên hàng ngàn héc-ta sinh lầy và trong lòng những con sông là một thế giới phong phú và đa dạng các loại cá, tôm, cua, ốc.

Cá ở Phước An có nhiều loại. Cá lớn thì có mú, chẻm, kè, đường, thu, con lớn khoảng 15 đến 25 kg. Cá đao, cá đuối có con tới 200-300 kg. Cá ngon có giò, ngát, hanh, nâu, riu, tráp... Cá dỏ cũng chẳng ít như liệt móm, mỏng gà, mao, sơn, com...

Đầu tháng 7, tháng 8 thì đến mùa cá mè. Để lưới về có người được cả trăm kg. Năm nào trúng, có người được cả ngàn kg. Mùa gió nam có nhiều cá đối, hanh, giò về ăn ở ngọn sông. Cá kè, đường, ngát mùa nào cũng có. Ở Long Thành, bong bóng cá đường có thể coi là đặc sản của Phước An, có giá trị kinh tế cao. Một con cá đường 30 kg sẽ cho một bóng bóng 1 kg. Giá 1 kg bong bóng cá đường tới 4.000 đồng (thời giá 1983).

Tôm rừng Sác rất nhiều và đủ thứ, tôm bạc thẻ, tôm hùm, tôm càng, tôm bạc đất,... Trước kia người Phước An không bán tôm theo ký mà bán đến trăm. Một trăm tôm tới 3,4 kg. Để đánh cá, tôm, từ xưa, dân Phước An đã có nhiều cách như đập đập, đóng đặng, đóng đáy, đi lưới, câu ghe... Bằng loại cần câu thường có mèi cua, có người đã câu được cá mú lớn 35 kg đến 50 kg. Vào những mùa cá về, con nước còn, người ta “đi trề” nghĩa đánh cá bằng cách dựng ở một lườn ghe tấm đại, trên đó có căng lưới, dưới ghe buộc răng giò (làm bằng tre giống như răng bò cào, dài khoảng 50 đến 60 cm). Khi chèo ghe đi, răng giò rà dưới nước, cá tôm đụng phải nhảy vô thuyền có lần vài bà chục kg.

Cá đánh về được phân loại: Loại lớn như giò, thu, đường, hanh, ngát thì đem bán. Còn các loại cá nhỏ dồn cả lại gọi là “cá vặt” đem ủ làm phân.

Cua ở Sác Phước An rất nhiều. Thời kỳ chín năm, anh em cán bộ sống ngoài Sác có người câu một ngày được cả xuống cua. Ngoài cua, vùng Sác ở Ba Gioi, Bà Trường có đủ loại sò, ốc, chêm chếp. Sò huyết, cá đối Phước An là những hải sản nổi tiếng ở Long Thành.

*“Trà Phú Hội, nước mạch Bà.*

*Sầu riêng An Lợi, chuối già Long Tân.*

*Cá bui, sò huyết Phước An*

*Gạo thơm Phước Khánh, tôm càng Tam An”.*

Nhái ở rừng Sác Phước An rất lớn con và là một món ăn rất được ưa chuộng. Vào những đêm tháng 4, trời mới sa mưa, ở các cánh đồng rạch Cóc, Bắc Giêng, đồng Ông Trúc nhái ra rất nhiều, kêu không chịu nổi. Người đi bắt nhái đông hàng trăm, vậy mà có người một đêm bắt được cả một hai chục kg.

Xa xưa, trong các ngọn rạch bao quanh vùng Vũng Gấm có rất nhiều cá sấu và chúng đã gây không ít tai họa cho những người lập lân mở ấp. Vì thế mà có câu : “Dữ như cá sấu Vũng Gấm”. Những năm chống Pháp, bộ đội, đồng bào qua lại rạch Vũng Gấm đôi khi còn bắt gặp từng cặp cá sấu lớn như chiếc xuống nổi lập lờ sát mé nước. Nhưng ngày nay, câu ngạn ngữ nói về cá sấu Vũng Gấm không còn mấy ai nhớ tới.

Bào Bông, Vũng Gấm đã trở thành một dải ruộng lúa xanh tốt bên một vùng rừng Sác hiền lành mà mọi người có thể bình tâm sản xuất, tìm tôm, kiếm cá.

Do có nhiều loại cây, nên rừng Sác như một rừng hoa quanh năm cho những đàn ong kiếm mật. Tháng chạp, tháng giêng thì có mật trù, đước. Tháng 3, tháng 4 thì có mật dà. Tháng 6 có mật bản. Dân rừng Sác đi lấy mật ong có người được tới 10 lít một ngày. Đôi khi gặp tổ ong cho cả thùng thiếc mật. Bởi thế, mật ong, sáp ong là một nguồn lợi lớn của đất Phước An.

Chim muông rừng Sác Phước An rất phong phú : bò nông, cò, sếu, diệc, bìm bịp... Đặt biệt nhiều là le le vào các tháng giêng, hai: Các loại thú rừng, heo, khỉ, trăn, sóc, chồn, rái nước trước đây không hiếm.

Trong rừng Sác Phước An có gần 100 sông, rạch, tác, cái ngọn lớn nhỏ chi chít như mạng nhện. Đó cũng là nơi ngọn nguồn hai con sông lớn của rừng Sác Đông Nam Bộ là sông Thị Vải và sông Gò Giã.

Khác với nhiều vùng Sác xung quanh, giữa sinh lầy của rừng Sác Phước An, còn có hàng chục bãi phù sa bồi theo thế liên hoàn, có bãi rộng hàng mấy các héc-ta, cặp theo các nhánh sông Ba Gioi, và sông Đồng Kho.

Đặc biệt hơn nữa, ở phía nam Bào Bông đó một doi đất lớn ăn sâu vào rừng Sác tới hơn 4 km. Dải đất phèn lợ đó rất phù hợp với cây dừa. Vì thế vào những năm 20 của thế kỷ này, tên thực dân Pê-ra (người Pháp) đã lập tại đây một sở dừa gần 400 héc-ta thuê nhân công từ các nơi tới làm. Nhưng do kỹ thuật chống ngập mặn lúc đó còn non kém, những người làm thuê lại không muốn bảo vệ cây trái, nên năng suất dừa không cao. Mưu đồ làm giàu của Pê-ra thất bại. Sở dừa bị bỏ hoang năm 1940.

Trước đó, khoảng 1906, thực dân Pháp lập một sở khai thác đá ở trên Giồng, khai thác được nhiều đá Gia Quy là loại đá dùng để xây dựng hoặc đổ đường. Khai thác được bao nhiêu chúng đều chở đi hết. Năm 1910, chúng lấp hầm đá. Tới nay, không còn biết dấu vết nơi khai thác ở chỗ nào nữa.

Ở Vũng Gấm, có một hầm sạn (sỏi) toàn một loại sạn tròn trắng dùng để trộn làm bê tông rất tốt. Trước cách mạng tháng Tám và cả trong thời gian kháng chiến chống Pháp, một số nhà thầu ở Sài Gòn vẫn mua cát ở đây đem về xây cất.

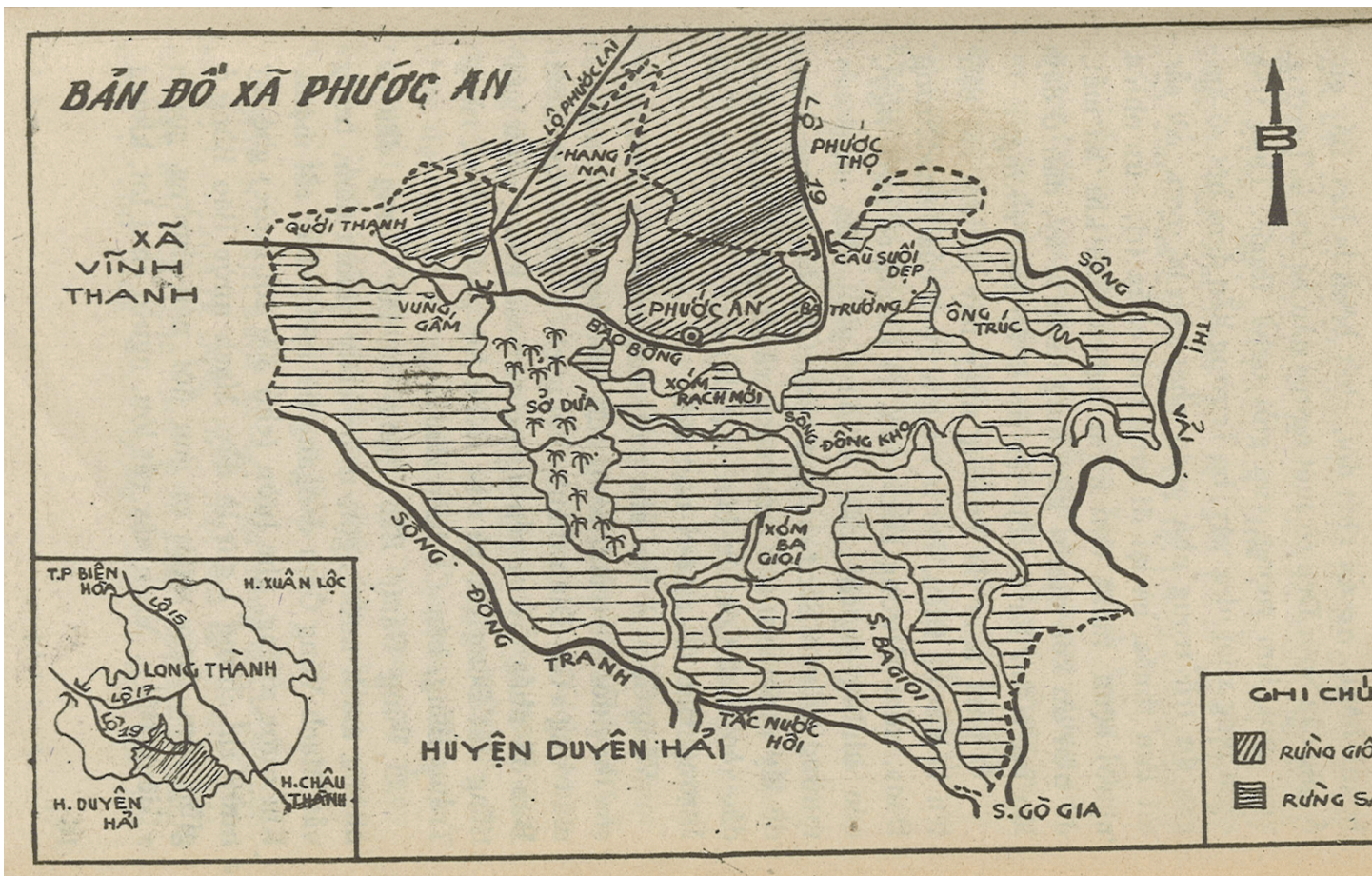
Trong những thửa ruộng lúa ở Bà Trường, Bào Bông, chen trong đám rễ bản, đước chi chít giữa sinh lầy đôi khi tìm thấy một gốc sến, chò hoặc sao lớn tới hai, ba người ôm, có gốc sến mặt lớn gần bằng mặt bàn tròn (đường kính 1,2m). Đó là những giống cây chỉ có thể mọc ở rừng Giồng đất cứng.

Những di tích đó cho ta một giả thuyết, xưa kia rừng Giồng Phước An còn ăn sâu về phía nam hơn bây giờ và trong vùng đất Giồng đó có cả mảnh đá. Sau đó vì những chấn động địa chất, vùng đất này sụt xuống, nước mặn tràn vào, biến nơi đất thấp thành sinh lầy. Dần dần mắm, bản, đước mọc lên. Thế là, trong cuộc đấu tranh không ngừng giữa đất liền và biển cả, rừng Giồng đã phải nhượng bộ một phần đất đai của mình cho rừng Sác rồi mới giữ được thế ổn định tương đối như ngày nay.

Nhìn trên bản đồ, Phước An giống hình một con ốc với cái vỏ là phần rừng Giồng, đang bò trên vùng sinh lầy đầy sông rạch của rừng Sác. Dải đất hẹp như thân



con ốc trên bản đồ chính là phần đất mà người dân Phước An đời này nối tiếp đời kia khai phá, gìn giữ và xây dựng. Ở đó mỗi tên thôn ấp đều



mang một truyền thống đẹp đẽ về cảnh sắc thiên nhiên và thắm đượm tình người.

Các cụ phụ lão ở Bà Trường kể rằng: một năm rất xa xưa, không may trời lụt lội, lại thêm dịch bệnh hoành hành. Người chết dỗi, chết bệnh la liệt. Bấy giờ ở gần cầu Suối Đẹp có một người đàn bà tên là Trường, vừa giỏi làm ruộng, vừa giỏi nghề thuốc. Thấy tình cảnh làng xóm như vậy, Bà Trường liền đem hết số lúa, gạo dự trữ trong nhà phân phát cho bà con, rồi sẵn tài làm thuốc, bà lại đi từng nhà chữa trị, cứu nhiều người bệnh thoát cơn hiểm nghèo. Sau khi bà mất, để nhớ ơn con người giàu lòng nhân ái ấy, dân ở đây lập miếu thờ Bà và đặt tên ấp là ấp Bà Trường.

Ở phía nam Bà Trường ngày nay có một cái bến tên là Mương Điều. Đó là tên gọi trạch của bến “Mương Đào”, xóm “Mương Đào” xưa. Vì không có nước ngọt, nên những người dân ở đây phải đào một con mương từ ven Sác tới ngọn rạch Cóc dài chừng 2 km để lấy nước lưu trữ làm ruộng và đi ghe theo mương đào vào rạch Cóc lên bến chợ chở nước về uống. Tên Mương Đào đã ra đời như thế.

Vũng Gấm là tên của một vùng nước lấp lánh màu sắc thay đổi theo ánh sáng mặt trời đẹp như hoa gấm, mà trong “Gia Định thành thông chí”, của Trịnh Hoài Đức đã nhắc tới và xếp ngang với các thắng cảnh nổi tiếng đất Đồng Nai xa xưa : Nhà Bè, gò Cây Mai, rừng Trảng Bàng, bến Cá Biên Hòa...

Ở Vũng Gấm, Bào Bông và Bác Rừng đều có những mạch nước ngọt, nước chảy quanh năm, trong vắt. Mạch Vũng Gấm ở ngang bờ rạch, chảy rất mạnh. Khi nước

xuống, ghe lườn (chở 300 đôi nước) ghé lấy nước chỉ chừng 1 giờ là đầy. Mạch nước Bào Bông ở giữa xóm, được ngăn ra làm đôi nên thường gọi là “Giếng Đôi”. Mạch này rất lớn, người chui lọt, không biết bắt nguồn từ nơi nào, nhưng trước đây, đôi lúc người ta thấy những chiếc lá dàu trôi ra. Mạch Bác Rừng ở ven rừng Sác, gần Rạch Lá phía đông nam ấp Bà Trường, nên còn được gọi là Rạch Lá là một nơi rất quen thuộc của nhiều đơn vị bộ đội trong kháng chiến.

Đối với người dân ở rừng Sác, mạch Vũng Gấm, giếng Đôi, Bác Rừng có thể coi là những dòng sữa mẹ quyết định sự sống còn của họ, vì thế trong cuộc đấu tranh quyết liệt với thiên nhiên, với kẻ thù để có nước, đồng bào và bộ đội rừng Sác đã phải đổ không ít công sức và xương máu.

Ngoài những mạch nước kể trên, đặc biệt ở cù lao Ông Quán, giữa một vùng rừng Sác mênh mông ngập mặn cách đất liền hơn 5km, còn có một mạch nước ngọt nhỏ, đường kính chừng vài phân. Sự phát hiện ra mạch nước này đã được anh em cán bộ, bộ đội huyện thời kỳ chống Mỹ kể lại kỳ lạ như một chuyện thần thoại. Lúc đó vào khoảng mùa khô năm 1969, địch đang ủi phá rừng Giồng. Biệt kích hoạt động khắp nơi. Tình hình rất căng thẳng. Mùa khô đến, nhu cầu về nước có lúc cần hơn gạo. Mỗi lần tổ chức đột áp, cứ 5 người phải có 3 người tải nước, còn 2 tải gạo. Nhưng vào đất liền lấy nước rất nguy hiểm. Nhiều đồng chí đã hy sinh bên những mạch Vũng Gấm, Bác Rừng, giếng Đôi.

Một hôm khi nước xuống, một đồng chí trong căn cứ Cù Lao nhìn ra bỗng thấy một con chim nhỏ bay tới đậu bên một vũng nước giữa sinh. Con chim uống nước và tắm bằng nước trong vũng đó một lúc rồi bay đi. Thấy lạ, đồng chí liền đi tới nơi coi chim xuống và thấy có một mạch nước nhỏ đùn lên, đồng chí múc uống mới biết là nước ngọt. Ngạc nhiên và mừng rỡ, đồng chí về báo cho đơn vị biết. Anh em liền tìm một chiếc mũ sắt, đục thủng đáy, vét bùn ra, ấn xuống làm như cái chậu đựng nước ngọt. Nhờ mạch nước nhỏ bé ở Cù Lao Ông Quán, các đơn vị bộ đội, cơ quan của ta ở quanh vùng đã tránh được nhiều tổn thất trong những năm tháng ác liệt đó.

Thiên nhiên phong phú của Phước An đã xác định nghề nghiệp cho những người dân sống trên đất này. Dân ở đây có hai nghề chính : nghề ruộng rẫy và nghề hạ bạc. Nghề “hạ bạc” là tên chỉ chung nghề đánh cá và làm củi. Ngoài ra, người ta còn lấy mật ong, để bẫy bắt thú, bắn chim... Dân thuộc vùng Giồng thì chủ yếu sống bằng nghề ruộng rẫy, vườn tược. Chỉ có một số sống bằng ngư nghiệp tập trung thành xóm Mương Điều ở ven rừng Sác. Còn dân rừng Sác thì chuyên sống bằng nghề đánh cá và làm củi sác. Vất vả là người làm ruộng rẫy.

*“Bào Bông ăn ở lúi xùi,*

*Đi đâu cũng có cái gùi sau lưng”.*

Dễ sống hơn là đánh cá và làm củi, vì thế mà có câu:

*“Ba Gioi ăn cá bỏ đầu”*

Do sống trên sông nước, nên từ xưa, dân Ba Gioi đã có trò chơi truyền thống là đua thuyền. Ở đây, hội đua thuyền thường được tổ chức vào tháng 6. Khi xuân về, vào mừng hai mừng ba tết, xóm nào, ấp nào cũng trong dáng, cờ mở đua thuyền với



nhau. Tài đua thuyền của người Phước An cách đây hơn một trăm năm mươi năm đã vang tiếng Đồng Nai. Năm 1832, nhân dịp tết nguyên đán, tuần phủ Võ Quýnh tổ chức một cuộc đua thuyền trên sông Đồng Nai. Hai phủ Phước Tuy và Phước Long gửi bốn mươi ghe thuyền của các huyện tham dự... thuyền dài bốn mươi thước mộc, rộng bốn thước, bằng gỗ chò, đóng hoặc bời lờ móc ruột hoặc ghép bản: Thân thuyền quét dầu trong, nẹp hai bên bo. Phía trước gắn tượng đầu rồng, lân, phượng, nai, cá... tùy thích từng nơi. Phía dưới hai bên đắp hai mắt lồi, cong, mang đuôi con thú có đầu phía trước. Trên cắm cờ vàng, viền tua, giữa đề danh hiệu xã thôn.

Mỗi thuyền hai mươi ba người bơi chia làm hai hàng, ngồi song song trên bộ đà ngang.

... Kết quả thuyền Ba Gioi (Phước An) về đích trước nhất chiếm giải ngao đầu (Biên Hòa sử lược toàn biên - Lương Văn Lược).

Cũng trong các dịp tết, lễ, ngoài các trò chơi bắt heo, bắt vịt, đi cần vọt, kéo chèo bèo, chèo giồng Phước An còn có một trò chơi nổi tiếng không kém đua thuyền, đó là múa lân “Lân râu bạc”.

Trước kia ở Phước An không có lân, đến khoảng năm 1900, dân Ba Gioi lên Sài Gòn rước thầy ở Cầu Muối về dạy. Sau đó, trong cuộc thi múa, “Lân râu bạc” luôn đứng nhất, vì dân ở đây là dân đốn củi, chèo ghe, có sức hơn, lại sáng tạo thêm nhiều động tác hay hơn, đẹp hơn, khắp vùng Long Thành đều biết tiếng.

Tháng 3, cúng miếu, dân Ba Gioi xếp ghe thành cầu qua luôn bên kia sông cho lân múa qua cầu, trông thật ngoạn mục.

Có thể nói, những truyền thuyết, những phong tục đẹp và trò chơi ấy của Phước An đã sản sinh và phát triển không chỉ bởi sự đa dạng của thiên nhiên mà cái chính là bởi có cả một quá trình lịch sử lao động và sáng tạo lâu dài của con người trên vùng đất đó kể từ buổi hoang sơ.

Vậy con người có mặt ở vùng đất Phước An tự bao giờ ? Đó là điều mà các nhà khoa học đang từng bước nghiên cứu để có thể đi tới một kết luận “Về nền văn minh tiền sử vùng rừng Sác”.

Cuối năm 1976 tại di chỉ Cái Vạn, Cái Lãng (xã Phước Thọ) cách Phước An 4 km, các nhà khảo cổ đã khai quật và tìm thấy hàng trăm hiện vật bằng đá như vòng đeo tay, rìu có vai; rìu không vai, dao đá, bàn mài, những ống gốm làm bằng bàn xoay có độ nung khoảng 500 độ C. Các nhà khảo cổ đã xếp những hiện vật này cùng thời các di chỉ ở Cầu Sắt, Hàng Gòn (Xuân Lộc), ước tính có niên đại khoảng 3500 năm đến 5.000 năm trước đây. Đó là thời kỳ con người chuyển từ đồ đá mới bước sang thời kỳ đồng thau.

Tại Phước An, trong khi sản xuất, nhiều người đã nhặt được những hiện vật tương tự, phần nhiều là rìu đá có vai, không vai. Điều đó cho phép khẳng định rằng con người đã có ở Phước An từ thiên niên kỷ thứ hai, trước công nguyên.

Vào khoảng thế kỷ thứ 17, những dân cư người Việt đầu tiên đã tới Phước An. Hai nơi cư trú đầu tiên của những người đi mở đất ấy là Hang Nai và Ba Gioi.

Hang Nai là một địa điểm nằm sâu trong rừng Giồng cách trung tâm Phước An

chừng 5 cây số theo đường chim bay. Ngày nay, nếu từ cầu Vũng Gấm trên lộ 19 đi vào theo đường ủi nối liền Phước An, Phước Lai; về phía bắc đông bắc chừng hai ba cây số ta sẽ gặp vùng đất ấy. Tục truyền rằng, thuở xưa người ta thấy trong rừng chỗ đó có một cái hang lớn, nai thường về ở rất nhiều, vì thế mà đặt tên đất là Hang Nai. Ở Hang Nai có một mạch nước ngọt không ngừng phun tạo thành một mạch suối chảy ra rạch Vũng Gấm. Dân Phước An gọi đó là Mạch Bà và có thể đó là lý do để giữ chân những người đi tìm đất sống giữa một vùng xa lạ đầy hơi thở của muối mặn biển cả.

Còn Ba Gioi là ba doi đất được tạo thành bởi ba đường nước ở giữa rừng Sác mênh mông, trong đó có một doi đất lớn dài chừng 1.000 mét, có mé hậu là một rừng đước rậm rạp, cây cao hàng hai chục mét. Những người dân nghèo khổ hoặc trốn tránh sự truy nã của triều đình phong kiến, qua cửa Cần Giờ, theo sông rạch rừng Sác tìm chốn nương thân đã gặp doi đất giữa rừng đước, bần hẻo lánh này và biến nó thành nơi trú ẩn của mình, mặc dầu phải đóng cọc, dựng sàn, moi đất, vắt nước mà ở, mà sống.

Có một truyền thuyết là sau khởi nghĩa Lê Văn Khôi (1832-1835) thất bại, nghĩa quân của ông đã chạy về ẩn náu rất nhiều ở Ba Gioi, Hang Nai, trong đó có hai người con trai của ông. Vì sợ ở chung thì lộ tung tích, nên hai anh em phải tách ra để sống mỗi người một nơi.

Khi mật độ dân số đã cao, một số người ở Hang Nai cũng như Ba Gioi lại tiếp tục cuộc hành hương mở đất của ông cha. Họ đã tìm được một dải đất nữa Sác và Giồng, nơi có những vạt ruộng sinh lời thuận lợi cho việc cấy trồng. Hai gia đình đầu tiên đến đó là họ Bạch và họ Lê. Rồi theo sau người tới đông thêm. Tất cả chung sức nhau khai phá đất đai, ruộng rẫy hình thành dần các ấp Bà Trường, Bào Bông, Vũng Gấm, Quới Thạnh. Một số người khác đã tìm thấy thêm những doi đất mới có thể sống được trong rừng Sác, lập nên các ấp Bà Hào, Bà Liêm...

Rồi sau nữa, khoảng những năm 70 của thế kỷ 19, có thêm một số dân từ miền Tây theo đường sông vào lập xóm ở Rạch Mới, một doi đất từ đất liền ăn sâu vào Sác chừng gần cây số, phía nam ấp Bào Bông. Phần lớn những người dân miền Tây đó là nghĩa quân Trương Công Định hoặc họ hàng của họ đến đây để trốn tránh sự truy nã, tàn sát của thực dân Pháp sau khi cuộc khởi nghĩa vang động lòng người của ông thất bại. Chính vì thế mà đình Rạch Mới sau này thờ ông Nguyễn Trung Thành, một thủ lĩnh của nghĩa quân Trương Định đã hy sinh anh dũng trong chiến đấu. Người Rạch Mới nói rằng, ông đã đập đồng lên đất này để phù hộ cho con cháu nên lập đình thờ ông.

Năm 1878, huyện Long Thành được thành lập với hai tổng : Thành Tuy Thượng và Thành Tuy Hạ. Làng Phước An thuộc Thành Tuy Hạ, lúc bấy giờ gọi là Rạch Cóc, gồm sáu ấp Bào Bông (Hang Nai), An Cần, Bình Quới, Quới Thạnh, Ba Gioi và Tân Lập (Bà Hào). Về việc hình thành xã Phước An có một truyền thuyết rằng: hồi ấy Phước An chỉ là một lân của Phước Lai. Phước Lai là xã cự. Dân Phước Lai đã đông, muốn xin tách làng nhưng hội tề Phước Lai không chịu. Đi lại xin giấy tờ thì xa xôi, thuế má Phước An do hội tề Phước Lai thu sử dụng thế nào không ai biết. Lúc bấy giờ ở Phước An có một ông già rất giỏi chữ và uy tín trong dân, gọi là

thầy Chín Nhĩ. Ông Chín coi các văn tự của Phước Lai gửi về và bắt chước được chữ của mười hai hội tề Phước Lai. Sau đó ông làm đơn xin tách làng, bắt chước chữ ký in hết mười hai chữ ký của hội tề Phước Lai rồi đem trình quận. Quận Long Thành đồng ý cho tách làng. Khi Phước Lai lên kiện, quận đưa giấy tờ có đủ chữ ký hội tề Phước Lai, nên Phước Lai đành chịu và làng Phước An tách khỏi xã cự Phước Lai từ đó.

Trước năm 1945, Phước An gọi là làng gồm sáu lân. Trên Giồng có lân Bà Trường, lân Bào Bông: lân Vũng Gấm, lân Quới Thạnh và hai xóm : xóm Ngọn và xóm Rạch Mới. Đước Sác có lân Ba Gioi, lân Bà Hào và các xóm : Bà Liêm, Ông Trùm, Rạch Tràm. Địa phận của Phước An bây giờ kéo dài từ cầu Suối Dẹp tới cầu Suối Trai là mười ba cây số, giáp ranh với xã Ông Kèo.

Trong chín năm chống Pháp; làng Phước An gọi là xã và các lân gọi là ấp. Theo yêu cầu nhiệm vụ và tình hình kháng chiến, xã Phước An đã nhiều lần tách ra rồi hợp vào. Năm 1946, Phước An tách ra ba xã :

- Xã Phước An gồm ba ấp : ấp Bà Trường, ấp Bào Bông, ấp Chợ và xóm Ngọn, xóm Rạch Mới.

- Từ cây số 18 tới cầu Suối Trai lập xã Bình Thạnh.

- Các ấp rừng Sác thành lập xã Phước Đức gồm: Ba Gioi, Bà Hào, Bà Liêm, Vạn Phước, Phước Bài và xóm Giồng Chùa.

Tới năm 1950, Phước An và Phước Đức hợp lại thành xã An Đức. Bình Thạnh vẫn giữ nguyên như cũ.

Sau năm 1954, xã Vĩnh Thanh được thành lập, ranh giới của xã Phước An đã được ổn định trong suốt những năm chống Mỹ tới nay.

Ngày nay, Phước An gồm bốn ấp nằm trải dài theo lộ 19, với 836 gia đình gồm 4.581 người.

Từ cầu Suối Dẹp đi vào ta lần lượt sẽ gặp ấp Bà Trường, ấp Bào Bông, ấp Vũng Gấm và cuối cùng là ấp Quới Thạnh. Sâu trong phía nam lộ, giữa Bà Trường và Bào Bông là xóm Rạch Mới. Phía bắc lộ, giữa Bào Bông và Vũng Gấm là xóm Ngọn.

Giữa Ba Gioi, Bà Hào, Ba Liêm... Chỉ còn là những địa danh đã đi vào lịch sử gắn liền với một thời kỳ vô cùng gian khổ và anh hùng của nhân dân Phước An. Trải qua khủng bố và hủy diệt của kẻ thù, trên vùng rừng Sác Phước An bây giờ không còn một xóm ấp nào nữa. Nhưng những người dân Phước An không bao giờ quên mảnh đất, tên làng mà ông cha của họ, những con người không chôn dung thân, dưới chế độ thực dân, phong kiến, đã đặt chân tới, đã đặt thành danh, từ buổi đầu đầy gian lao vất vả, qua bao thăng trầm của lịch sử cho tới hôm nay có được dải đất tự do mà họ đang sống.

Ý chí phản kháng chống đối áp bức, bất công và cuộc sống luôn phải đấu tranh với thiên nhiên khắc nghiệt đã tạo nên bản sắc riêng biệt của người dân Phước An. Đó cũng chính là nguồn gốc của tinh thần đoàn kết, sôi nổi và hăng hái cách mạng của người Phước An, của ý thức “trọng nghĩa khinh tài” và yêu tự do, sẵn sàng vì

nhân nghĩa và tự do mà hy sinh tất cả tính mạng và tài sản của mình.

Bản sắc ấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã được kết tinh lại và phát triển rực rỡ hơn bao giờ hết trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay.

## PHẦN THỨ HAI

### I. GIÀNH VÀ GIỮ CHÍNH QUYỀN

Những người đi mở đất Phước An chắc chắn đã có một thời cảm thấy hạnh phúc khi cầm con dao phát hay tấm lưới đứng giữa một vùng “Rừng vàng, biển bạc” với niềm tin vào số phận may mắn của con cháu họ sau này: Nhưng chẳng bao lâu, sau đó và cho mãi tới trước tháng Tám năm 1945, sự thật đến với người lao trên mảnh đất tiềm năng giàu có này lại chỉ là một tấn bi kịch.

Sau khi làng Phước An hình thành, tách khỏi xã cựu Phước Lai, chính quyền thực dân nửa phong kiến đã thiết lập ở đây một cơ cấu hành chính thu lại, công kên, quan liêu gồm năm ban và gần năm mươi người. Sau *ông đại* là 12 hội tề chuyên lo trị an, thuế khóa, 12 thôn hội và 12 nhạc lễ, lo cúng tế, 12 bàn tuần chịu sự sai khiến của hội tề và một biện giáp để biên chép. Những *ông đại, ông cả, ông lân, tổng hào, hương quản, hương thôn, biện giáp* chỉ biết thu thuế đè nén dân chúng và thi nhau làm giàu.

Đầu thế kỷ 20, thực dân Pháp bắt đầu chú ý tới vùng ven phía nam Long Thành, xúc tiến việc mở đường 19. Năm 1906, gần 1.000 người Phước An cùng hàng ngàn dân Phước Thiện, Phước Lai, Phước Long, Phước Thọ... bị bắt đi xâu làm đường, gọi là “xâu cà cù”, luân phiên nhau bảy ngày một lần, làm ròng rã nhiều tháng trời chỉ bằng dụng cụ thô sơ : phát rừng bằng dao, đập đá rải bằng tay, nện đường bằng đũa cây, cán kéo do người kéo hai bên, mỗi bên mười người: Kẻ có tiền thì đưa búa nhẹ, người không tiền thì vác búa nặng. Người làm xâu bị phạt vạ, bị cai đội trông giữ, bị chính quyền thúc ép, giống như tù khổ sai.

Lao dịch khổ sở, thuế mà lại nặng nề. Hàng năm mỗi người dân trong xã từ 18 tuổi trở lên phải đóng thuế thân. Người có ruộng đóng 6,30 đồng, người không tài sản đóng 5,10 đồng (giá mỗi đồng lúc ấy tương đương với 30-40 lít gạo)... lên rừng Giồng đôn củi chụm cũng phải đóng tiền hàng năm gọi là “tiền lâm phần”.

Cùng với sự áp bức của thực dân là sự bóc lột không kém nặng nề và tinh vi của bọn địa chủ. Tới Phước An, nhắc đến Mười Đầu, Chánh Thiết, Quản Lãm, không ai không biết. Đó là những tên địa chủ kiêm tư sản vừa có hàng chục héc-ta ruộng đất ở các xã xung quanh, vừa là đầu nậu cá, đầu nậu củi. Bên cạnh những căn nhà chằm lá dừa nước xơ xác của người lao động là những ngôi nhà ngói sang trọng của bọn địa



chủ với những vựa củi, vựa cá cũng to lớn không kém.

Tôm cá của biển, củi đước của rừng, nhưng người lao động đánh bắt được cá, làm được củi phải đem về bán cho đầu nậu, không được bán cho ai khác. Rồi tiền vẫn phải vay để sống, nợ vẫn để từ lãi mẹ sang lãi con và tiếp tục làm thuê.

Ba Gioi là một ấp giàu củi, giàu cá, những người nghèo cũng rất nhiều. Cả ấp có chừng 500 nóc nhà với khoảng 2.000 dân, nhưng riêng làm thuê cho Chánh Thiết hàng ngày có tới 40-50 người, có hôm tới cả trăm người. Không đánh cá, làm củi thuê cho chủ vựa thì phải xoay đủ nghề : đi lưới thuê, đập củi mướn, chèo ghe mướn, gài bẫy bắt chim... Ở giữa nơi “tiền rừng, bạc biển” người dân lao động vất vả, nhưng nhiều nhà không đủ ăn. Năm thóc củi than bán được một cắc. Một thiên củi đòn cung mới được một cắc. Một ngày một người đập giỏi được chừng hơn thóc củi than hay 300 - 400 củi đòn. Làm vài ba ngày mới được một cắc<sup>1</sup>. Đồng chí Tư Định nhớ lại : “Tôi đập củi mướn cho Quán Lâm từ nhỏ, làm mướn cũng như thân phận thằng đi ở. Ngày làm không nổi một cắc. Quần áo thì may bằng bao hồ, rận đầy. Đi làm về, tối cởi áo ra, lấy cái chai đặt nằm ngang cho nó bôm bốp. Ông già tôi cũng như nhiều người khác hút thuốc rê nhiều khi không có tiền mua giấy phải vô Bào Bông lấy mo cau lột lụa làm giấy hút thuốc”.

So với các xã nằm trên trục lộ 19, Phước An là nơi có nhiều điền chủ Pháp, Tàu, Việt chú ý hơn cả. Từ những năm 20, ở đây đã hình thành năm sở cao su : sở Balăngxi, sở Thầy Ba, sở Bào Bông (của Pháp), sở Trần Kim Ki (Tàu), sở Nguyễn Dưỡng (Việt) có sở lớn tới 300-400 héc ta như sở Bào Bông. Ngoài ra còn sở dứa Pê-ra (Pháp) khoảng 400 héc ta. Năm 1942, ở Hang Nai bọn pháp lập thêm sở ngựa, nuôi hàng mấy trăm ngựa chiến. Công nhân của những sở này hầu hết là người được thuê từ các nơi khác về với giá rẻ mạt. Nhưng không ít người Phước An cùng đường sống cũng phải chịu chung thân phận như thế.

Đời sống càng khổ cực, thì những hủ tục lạc hậu được thực dân, phong kiến khuyến khích càng phát triển. Trước năm 1945, ở Phước An có khoảng 7.000 dân, nhưng ở ba ấp Giồng chỉ có một trường tiểu học với một giáo viên và hai lớp (một lớp một, một lớp hai) có trên ba mươi học trò. Các lớp ở Sác chỉ có hai lớp với hai giáo viên. Học sinh đều là con em các gia đình khá giả. “Trạm y tế”, “Nhà hộ sinh” là những từ hoàn toàn xa lạ. Tính mệnh người bệnh, người sinh đẻ hoàn toàn phụ thuộc vào các thầy lang, bà mụ, thầy cúng, thần phù thủy và cuối cùng là “nhờ trời”. Trong khi đó, trên địa phận xã có tới ba chùa, hai đình, chín miếu, một nhà thờ, và năm 1926, lại thêm đạo Cao Đài xâm nhập vào Phước An.

Làm không đủ ăn, nhưng việc cúng đình, chùa, miếu mạo không thể bỏ. Cúng thần, cúng ngũ hành, cúng ba bà, bốn bà chúa tiên, chúa xứ, chúa ngọc, cúng ông cọp... Nhiều khi cúng thần gì, bà gì không biết, chỉ biết là đi cúng. Khi có chút tiền thì tụ tập nhậu nhẹt, đậu tiền rước bùa hát với các tích tàu cổ xưa như “Tiết Giao đoạt ngọc”, “Võ Tòng sát tẩu”... để mua vui cho nhẹ bớt phần nào gánh nặng của cuộc đời vất vả ám ảnh hằng ngày. Người ta làm ăn và sống không biết có ngày mai và

---

<sup>1</sup> Đơn vị tính tương đương 1 hào.

không cần biết tương lai như thế nào. Những trò chơi truyền thống phai nhạt dần. Tới những năm 1930, ở Phước An không còn chơi đua thuyền. Hội lân hầu như tan rã.

Sau khi Nhật đảo chính Pháp, dân Phước An phải đi phu nhiều hơn, xa hơn. Làm sân bay cho Nhật ở Bàu Năng, Siph, Tam An, mỗi đợt đi hàng trăm người đi liên tục 15 ngày, lương thực tự túc. Làm phu cho Nhật cũng khổ cực và bị đánh đập chẳng khác gì làm trâu cho Pháp.

Chính trong cuộc sống đầy bi kịch, ảnh hưởng của các phong trào cách mạng đối với Phước An được nhân lên rất mạnh mẽ. Ngay từ cuối thế kỷ 19, ở đây đã có các tổ chức của Thiên Địa Hội. Hàng trăm người ở Ba Gioi đã dong thuyền theo đường sông về Vũng Tàu tham gia cuộc bạo động của Thiên Địa Hội. Những năm 40, tin tức về cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, về hoạt động của những người Cộng Sản, về các cuộc biểu tình ở Sài Gòn, về sự đàn áp dã man của thực dân Pháp... do những người lên Sài Gòn buôn bán cá, tôm, củi... đem về được lưu truyền, bàn tán rất nhiều trong mọi tầng lớp quần chúng Phước An.

Đầu năm 1942, có một người đàn ông trên ba mươi tuổi tên là Hồ Văn Giàu, người Sóc Trăng, không biết từ đâu về ấp Bà Trường cư trú. Đó là người đảng viên cộng sản đầu tiên có mặt trên đất Phước An<sup>1</sup>. Sau khi về đây một thời gian, đồng chí Giàu đã xây dựng được hai cơ sở tuyên truyền sách báo Cộng sản : một là cửa hàng thuốc bắc của ông Hồ Văn Thảo (thường gọi là thầy Mười Thảo) ở tại chợ Phước An và một là lò rèn ông Tống ở cách miếu Bà Trường khoảng 500 mét trên đường Bà Trường đi Ông Trúc.

... “Anh Thảo có một người bạn thân là anh Tám Nhòng, anh Tám lui tới chơi với anh Thảo thì thường gặp anh Thảo và anh Giàu trò chuyện với nhau. Có một lần anh Tám hỏi : “Hai anh bàn gì, sao không cho tôi biết với!” Cách hai tuần sau, anh Thảo cho anh Tám coi một tài liệu in của Đảng Cộng Sản Đông Dương nói về chủ trương đánh Pháp, đuổi Nhật và hành động của Đức - Ý - Nhật. Sau khi sinh hoạt tài liệu đó anh Thảo bàn với anh Tám tìm thêm người để tuyên truyền...” (Tự sự của đồng chí Tám Nhòng tức Trần Công Lý, một trong những đảng viên đầu tiên của chi bộ Phước An).

Ông Mười Quang, cậu chị Hai Thì (vợ đồng chí Giàu), kể “anh Giàu có đưa cho tôi coi một cuốn sách nhỏ của ông Mác và ông Ăng - Ghen, rồi giải thích cho tôi nghe tình hình Pháp - Nhật. Lúc bấy giờ, qua anh Giàu, tôi mới bắt đầu hiểu được thế

---

<sup>1</sup> Cũng trong năm 1942, Ban cán sự miền Đông đưa đồng chí Trịnh Văn Dục về xây dựng phong trào cách mạng ở Long Thành. Đồng chí Dục liên hệ trực tiếp với tổ chức Đảng ở Sài Gòn. Đồng chí Hồ Văn Giàu thì không có liên hệ gì với nhóm đồng chí Dục mà trực tiếp liên hệ với tổ chức đảng ở Biên Hòa.

Khoảng 20-8-1945, đồng chí Giàu tới Phước An về Biên Hòa tham gia lãnh đạo việc tổ chức cướp chính quyền tỉnh. Sau khi chính quyền lâm thời ra đời đồng chí được giao nhiệm vụ ủy viên tài chính tỉnh. Khi Biên Hòa bị Pháp chiếm (11-1945) đồng chí Giàu bị giặc bắt tra tấn rất dã man, sau đó chúng đưa đồng chí ra giam ở miền Trung và đồng chí bị chúng bắn chết ở đó trong năm 1946.

nào là cách mạng”.

Từng bước tuyên truyền và tập hợp lực lượng, giữa năm 1943, đồng chí Giàu đã xây dựng được một tổ chức đầu tiên của Đảng ở Phước An gọi là “Mặt trận Việt Minh” gồm 5 người do Hồ Văn Thảo làm chủ tịch, hoạt động bí mật trong toàn xã với nội dung tuyên truyền chủ nghĩa Cộng Sản, sách báo, tài liệu của Việt Minh và gây thêm cơ sở để chuẩn bị thành lập các đoàn thể quần chúng.

Cũng trong năm 1940, ở Ba Gioi và các ấp rừng Sác Phước An còn có một phong trào yêu nước núp dưới danh nghĩa tôn giáo. Người trực tiếp tuyên truyền cho phong trào này là Mười Câu, một người khoảng sáu mươi tuổi, không rõ từ đâu tới, lập am sống đơn độc ở một mé núi của Giồng Chùa. Người ta không biết tên thật của ông và gọi ông là “Mười Câu” vì ông chuyên môn đi ghe câu quanh năm. Với một mình một ghe, ông đến tất cả các xóm ấp rừng Sác tuyên truyền tinh thần yêu nước, đồng thời tập hợp lực lượng. Sau đảo chính Nhật - Pháp, 9-3-1945 phong trào này nổi lên rất mạnh. Hầu hết dân các ấp rừng Sác Phước An đều theo Mười Câu.

Đầu tháng 8-1945, phong trào Thanh niên Tiền Phong ở huyện Long Thành phát triển mạnh. Ở Phước An đã thành lập được một đội Thanh niên Tiền Phong trên 100 người, một đội nà trên 30 người và một đội dao găm. Các tổ chức này đều được nòng cốt cách mạng nắm giữ, ngày ngày tập luyện, canh gác, bảo vệ an ninh xóm, ấp chờ thời cơ.

Cũng trong những ngày tháng tám, tình hình biến động Nhật-Pháp những cuộc mít tinh, diễn thuyết, rải truyền đơn của Việt Minh ở Sài Gòn và các vùng lân cận như Đại Phước, Phú Hội... được tuyên truyền rộng rãi trong dân, làm cả Phước An xôn xao.

Ngày 24-8-1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng<sup>1</sup> nhân dân Long Thành vùng lên cướp chính quyền ở huyện từ tay Nhật-Pháp thắng lợi. Một cuộc mít tinh biểu dương lực lượng to lớn của hàng ngàn công nhân, nông dân, trí thức, tiểu thương, tiểu chủ... được tổ chức tại chợ thị trấn Long Thành. Trong cuộc mít tinh, nhân dân đã bầu ra những người lãnh đạo cách mạng của mình, đứng đầu là đồng chí Trịnh Văn Dục - Bí thư Đảng đầu tiên của huyện. Ngay sau đó, huyện đã cử cán bộ tòa về ấp xã lãnh đạo và tổ chức việc cướp chính quyền ở cơ sở.

Cũng trong ngày 24 ở Phước An, dưới sự lãnh đạo của nhóm Hồ Văn Giàu, nhân dân, với lực lượng chủ lực là thanh niên Tiền phong, đã nhanh chóng giải tán về xã thành lập chính quyền cách mạng, hội tề Phước An tự tan rã.

Sáng ngày 25 dưới sự chỉ huy của Hồ Văn Thảo, gần 100 nam nữ thanh niên ở Bà Trường, Bào Bông, Vững Gấm, trên ngực gắn huy hiệu búa liềm vàng trên nền đỏ (tự làm bằng vải, bằng giấy) mang theo cờ đỏ sao vàng, tập trung trước chợ biểu dương khí thế rồi lên xe hơi về Biên Hòa tham gia cướp chính quyền ở tỉnh.

Cũng hôm đó, gần năm trăm người ở Ba Gioi và các ấp rừng Sác, Phước An, dưới sự lãnh đạo của ông Sáu Tửu, trưởng đoàn thanh niên Tiền phong, và ông Mười Câu, phát cao cờ đỏ trên những chiếc ghe lòng lớn, chèo thẳng lên Sài Gòn tham gia

---

<sup>1</sup> Chi bộ đầu tiên của Long Thành do đồng chí Trịnh Văn Dục tổ chức lãnh đạo.

khởi nghĩa<sup>1</sup>. Có áp những người từ 45 tuổi trở xuống đều đi hết, chỉ còn để lại ông già, trẻ em và phụ nữ canh giữ hội quán. Khí thế cách mạng hào hùng của quần chúng khiến bọn địa chủ và đầu nậu hoảng sợ, phải xin lo cung cấp ghe, thuyền, gạo, nước phục vụ đầy đủ cho những “đạo quân” ấy.

Chính quyền cách mạng tuyên bố tịch thu sở ngựa, sở dừa, các sở cao su và giao cho thanh niên Tiền phong canh giữ. Bọn chủ hoang mang bỏ chạy.

Một không khí sôi động, náo nức bao trùm Phước An trong những ngày đầu cách mạng. Cờ đỏ sao vàng phát phối tung bay khắp các ấp trong Giồng, ngoài Sác. Trụ sở hội tè cũ trở thành nơi làm việc của ủy ban cách mạng lâm thời xã, được trang hoàng đẹp đẽ như trong những ngày hội lớn với cờ đỏ sao vàng, cờ búa liềm rực rỡ. Ban đêm người đi lại rậm rịch tới khuya, tới sáng, đốt đuốc, tụ tập, hò hát, trông giữ xóm ấp. Các trụ sở, hội quán đều có thanh niên Tiền phong thay nhau canh gác ngày đêm. Đội ná, đội dao, đội Thanh niên Tiền phong tăng cường tập luyện. Mặc dù chưa hiểu nhiều về Việt Minh, cộng sản nhưng mọi người dân lao động Phước An đều tin cuộc đời của họ từ nay sẽ thật sự đổi mới.

Cuối tháng 8-1945, những người trong đoàn đi tham gia cướp chính quyền Biên Hòa, trở về xã, và sau hơn một tháng vận động quần chúng, đầu tháng 10-1945 một Ủy ban cách mạng mới được thành lập do ông Hồ Văn Thảo làm chủ tịch với cơ cấu phân lớn là người của Mặt trận Việt Minh do đồng chí Giàu tổ chức trước cách mạng. Nguyễn Văn Kính - chủ tịch cũ - là con hội tè Sơn cùng những người là con cháu hội tè, địa chủ tham gia trong Ủy ban xã lần đầu, được đưa ra.

Trung tuần tháng 10-1945, tại thị trấn Long Thành, đồng chí Trịnh Văn Dục (bí thư Huyện ủy) và đồng chí Đỗ Hữu Phú (trưởng quốc gia tự vệ cuộc) bị Nhật bắt cóc. Tin này đồn về Phước An làm đồng bào sôi sục. Ngay sáng hôm sau, hơn 1.000 người dưới sự chỉ huy của ủy viên quân sự xã, trưng cờ, khẩu hiệu, kéo lên huyện tham gia cuộc biểu tình lớn chưa từng có của hai mươi ngàn dân Long Thành đòi Nhật phải trả hai đồng chí Dục, Phú.

Cuối tháng 10, hưởng ứng lệnh tìm bắt những tên Pháp lẩn trốn trong rừng, hơn hai trăm dân tráng kiện cùng Thanh niên Tiền phong với gậy tầm vông làm vũ khí, lại rầm rộ truy lùng trong ba ngày liền khắp các nẻo rừng Giồng, rừng Sác, Vũng Gấm, Bào Bông, Bà Trường, đồng Ông Trúc.

Ở Ba Gioi, hơn ba trăm thanh niên, một lần nữa, lên ghe kéo về Sài Gòn tham gia tòng quân, ứng chiến. Tới cầu Ông Thìn, gặp Đệ Tam sư đoàn, họ nói : “Các anh cứ thủng thẳng đi năm, ba người một lượt thôi, chứ đi thế này thì Tây nó đến, ông già; con nít làm sao giữ làng, còn ai sản xuất”. Nhưng rồi, sau đó chỉ có một số ít người, còn phần lớn ở lại luôn tham gia chiến đấu ngăn chặn bước tiến của giặc Pháp.

Vài ngày sau từ mặt trận số 4 Sài Gòn, những đơn vị đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng Bình Xuyên rút về tới Phước An. Được sự giúp đỡ tận tình của

---

<sup>1</sup>Lực lượng này tập trung tại rạch Cát, sau đó lên Chợ Lớn tham gia cướp chính quyền.



chính quyền và nhân dân trong xã, chỉ trong một thời gian ngắn, gần hai ngàn cán bộ, chiến sĩ và một khối lượng lớn vũ khí, máy móc trang bị của bộ đội Bình Xuyên đã được sắp xếp ổn định.

Cũng trong tháng 11-1945, thực dân Pháp đã chiếm được Biên Hòa và từng bước thực hiện âm mưu mở rộng vùng chiếm đóng. Ngày 23 tháng chạp năm Ất Dậu (tức ngày 20-1-1946) chúng nổ súng tấn công Long Thành, đánh chiếm hai điểm trọng yếu của huyện là thị trấn và Thành Tuy Hạ.

Lúc này, sau hai tháng đóng quân, được lệnh của khu bộ khu 7, đại bộ phận bộ đội Bình Xuyên, dưới sự chỉ huy của tư lệnh Dương Văn Dương, rời khỏi Phước An hành quân chi viện cho mặt trận An Hóa- Gia Hòa (Bến Tre) chỉ còn một số ít dời vào rừng Sác.

Bộ đội lên đường vào lúc tiếng súng đầy đe dọa của bọn xâm lược Pháp, từ Thành Tuy Hạ ngày ngày vọng tới, những điều đó không làm cho nhân dân Phước An dao động, mặc dù trong tay họ không có được một khẩu súng để tự vệ. Thực hiện mệnh lệnh của Huyện “Tiêu thổ kháng chiến”, Phước An đã bắt đầu những ngày chống Pháp với một khí thế hào hứng và kiên quyết. Trong tiếng reo hò của thanh niên nam, nữ và những người dân tình nguyện, chỉ một đêm, toàn bộ các cơ sở công cộng như trụ sở, hội quán, chợ, trường học và tất cả các đình, chùa, miếu nơi thờ cúng thiêng liêng bao đời của người Phước An - đều được phá sập, đốt sạch. Tất cả các căn nhà trong xã, trừ nhà xây, đều được gỡ vách cất dấu chỉ để lại hai mái tạm che mưa nắng.

Trung tuần tháng 2-1946, sau một trận phục kích tiêu diệt trung đội Pháp tại cầu Suối Cạn (Phước Thọ) một số đơn vị bộ đội tham gia trận đánh về tập kết ở Bà Hào. Cay cú trước thất bại, ngay ngày hôm sau, giặc Pháp đã gây ra một tội ác không thể nào quên đối với Phước An.

Ba giờ chiều, từ hướng Sài Gòn, một đoàn bốn chiếc máy bay lao thẳng tới rừng Sác, Phước An. Chỉ sau vài vòng lượn để quan sát mục tiêu, chúng bỏ nài xuống gây tội ác. Những trái bom xăng đặc và bom sát thương nổ liên tục kèm theo là những loạt đạn lửa trên máy bay bắn xuống từ Bà Hào, sang Ba Gioi rồi lan tới cả Bà Liêm. Lửa khói cuộn cuộn đen một khoảng trời rừng Sác, nhưng máy bay giặc vẫn không thôi quần đảo, dội bom, bắn phá. Tới năm giờ chiều, khi những chiếc máy bay cuối cùng rời khỏi bầu trời Phước An thì Bà Hào, Ba Gioi đã biến thành một vùng hoang tàn với hàng trăm ngôi nhà vẫn còn bốc khói. Ba Gioi hoàn toàn bị hủy diệt, gần 100 người vừa dân, vừa bộ đội bị chết, hàng chục người khác bị thương.

Ba ngày sau, từ Thành Tuy Hạ, một cánh quân Pháp theo đường 19 tràn vào Phước An đốt phá. Hơn 50 nhà lá, nhà tranh ven lộ 19 đều bị cháy trụi, nhưng nhân dân đã kịp thời rút vào rừng nên không bị thiệt hại tính mạng.

Tiếp đó là những cuộc càn quét liên tục của địch. Ở những ấp Giồng chúng dùng bộ binh, cơ giới, mỗi trận càn đốt ít nhất cũng gần 100 nóc nhà. Ở những ấp ngoài Sác chúng dùng tàu thủy ruồng bố lần lượt đốt hết nhà cửa còn lại của đồng bào ở Bà Hào, Ba Gioi, Bà Liêm, Ông Trùm... Tất cả những gì đã gây dựng hàng trăm năm bằng mồ hôi, nước mắt của cha ông trên vùng rừng Sác đều bị kẻ thù phá

hủy.

Trung tuần tháng 3-1946, một đại đội địch chia làm hai cánh từ Long Thành xuống, từ Thành Tuy Hạ lên, họp quân tại Phước An và đóng chốt tại ngôi đình gần chợ, ta đốt chưa cháy hết trong lúc “Tiêu thổ kháng chiến”. Sau đó chúng ruồng khắp xã, gom dân về xây đồn chốt, lập lại bộ máy cai trị địa phương gồm những hội tề cũ. Xây chốt và lập tề xong, địch để lại hai trung đội Pắc-ti-giăng trong số này có tên trung sĩ Tư Lê rất ác ôn chuyên làm tiền dân, bắt bớ, đánh đập rất nhiều người không cần biết lý do. Chỉ cần ai bị nghi ngờ có hoạt động Việt Minh là chúng giết ngay. Anh Võ Văn Lượm và Nguyễn Văn Cương đã bị chúng bắn trong trường hợp đó.

Mặc dù địch khủng bố, tàn quét thường xuyên, nhưng nhân dân Phước An vẫn không nao núng. Trừ một số ít bị địch bắt gom về sau những trận càn, còn hầu hết đồng bào các ấp Giồng đều tản cư vào rừng Ông Trúc, Mương Điều, Cây Gõ, Rạch Dừa, Rạch Mới... sinh sống, không chịu sự kiểm soát của địch. Đồng bào Ba Gioi, Bà Hào..., lui sâu vào rừng Sác, cắm sào, dựng sàn để ở, bắc cầu đước đi lại. Ở Ba Gioi, sau trận máy bay bắn phá, còn sót lại một ngôi miếu, bà con cũng trở về kéo sập không cho Pháp có chỗ đóng quân.

Giữa thời gian này, trong tháng 2-1946, tại Phước Lai có một cuộc họp của huyện, chủ trương chia huyện thành bốn khu phân công cán bộ phụ trách và thành lập Khu Ủy từng khu để lãnh đạo kháng chiến cho phù hợp với tình hình mới. Đồng chí Trịnh Minh Kính Nguyên là Ủy viên tuyên truyền huyện, cùng một số cán bộ được phân công phụ trách khu ba gồm các xã Phước An, Phú Hữu, Phước Thành.

Về Phước An giữa những ngày sóng gió, địch đang tàn quét mạnh, nhưng được sự ủng hộ nhiệt tình của đồng bào và chính quyền xã, Khu Ủy khu ba đã nhanh chóng đứng vững chân, chỉ đạo hoạt động kháng chiến toàn khu. Ngay cả khi địch chiếm đóng, mối quan hệ giữa khu và xã vẫn được giữ vững. Chính quyền xã thường xuyên xin ý kiến của khu để chỉ đạo phong trào địa phương, mọi mệnh lệnh chỉ thị của khu đối với xã đều được nỗ lực thực hiện.

Tuy chưa xây dựng được lực lượng vũ trang trực tiếp đối mặt với Pháp, trừ một vài người bỏ xã lánh tránh kháng chiến, các cán bộ còn lại của Phước An vẫn kiên trì bám trụ để giữ vững niềm tin trong nhân dân và động viên nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cách mạng.

Nhờ vậy, trong hoàn cảnh khó khăn đó, khi thế kháng chiến của đồng bào vẫn không giảm sút.

Trong khi đó, khoảng cuối tháng 4 năm 1945, các đơn vị thuộc chi đội 2 và 3 lần lượt trở lại đứng chân trên các khu vực rừng Sác, gần đất liền Phước An. Đại đội 1, chi đội 3 về Gò Vàng, đại đội 3 chi đội 3 về đầu tác Chà Là, đại đội 4 chi đội 2 về đầu tác Chà Là, đại đội 1 chi đội 2 về Bắc Rừng. Được sự giúp đỡ của cán bộ và đồng bào, tới giữa tháng 5, hầu hết các đội trinh sát của các đơn vị đều đã qua lộ 19 sang hoạt động trên rừng Giồng, nắm tình hình địch, nghiên cứu kế hoạch đánh đồn Gò Cát và chặn đánh các cuộc hành quân lũng sục của chúng.

Trước phong trào đấu tranh của quần chúng và sức ép mạnh mẽ của các lực lượng vũ trang trên đứng chân ở xã, ngày 20/6 địch buộc phải rút quân ra khỏi Phước

An. Chúng vừa rút lúc 12 giờ trưa thì hai giờ chiều cán bộ, đồng bào trong xã đã trở về đông đủ trên đất của mình và bắt tay ngay vào việc phá đồn bốt cùng các cơ sở công cộng của địch. Tề xã tự tan rã nhanh chóng.

Ngày 22-6, hội nghị chính quyền lâm thời xã được tổ chức tại ấp Bà Trường. Ủy ban hành chính kháng chiến, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể thanh niên, phụ nữ cứu quốc, Công an... được bổ sung, củng cố hoàn chỉnh với thành phần là các đồng chí trung kiên ra bám trụ và tích cực hoạt động trong thời gian xã bị địch chiếm đóng<sup>1</sup>. Hội nghị đã đánh giá tình hình đồng thời đề ra chương trình hoạt động của xã gồm một số mặt chính như : tổ chức lại sản xuất, phá cầu đường ngăn bước tiến của địch, xây dựng lực lượng dân quân, du kích vũ trang, xây dựng khu chiến, sẵn sàng đánh Pháp nếu chúng còn âm mưu chiếm đóng một lần nữa.

Cuối tháng 6 và suốt tháng 7 sau đó, hầu như ngày nào cũng có hàng trăm thanh niên trai tráng đào cuốc trên lộ 19. Phụ lão, phụ nữ, thiếu nhi tập trung lo cơm nước cho người phá đường. Địch đến thì tản ra ẩn nấp, địch đi, lại hò nhau lên đường. Từ sở Nguyễn Dưỡng đến ấp Bà Trường, từ công Mươi Luông qua tới Vũng Gấm, mặt lộ bị băm nát bởi nhiều đường hào rộng hai mét, sâu hơn một mét chạy ngoằn ngoèo ngang dọc. Cầu Suối Đẹp, cầu Vũng Gấm bị phá sập. Khắp nơi hiểm yếu, ngày cũng như đêm đều có dân quân canh giữ với gậy tầm vông và mõ tre, sẵn sàng báo động khi địch tới. Bán đội du kích xã mới được thành lập, tuy vũ khí chủ yếu vẫn là tầm vông vạt nhọn nhưng rất tích cực hoạt động bảo vệ an ninh và giúp đỡ Ủy ban làm việc.

Cả Phước An tự do bùng bùng khí thế chống Pháp. Khí thế đó đã tác động mạnh mẽ đối với phong trào chung trong toàn huyện và đó cũng là yếu tố quyết định để từ tháng năm này “Chiến khu Phước An” ra đời và mãi mãi được ghi vào lịch sử của Long Thành kháng chiến.

## II. VÙNG CĂN CỨ

Tháng 10-1945, giặc Pháp đã chiếm được nhiều vùng trọng yếu ở ngoại thành Sài Gòn và uy hiếp nghiêm trọng mặt trận đông nam thành phố. Vào một ngày cuối tháng, Tư lệnh mặt trận số 4 Sài Gòn Dương Văn Dương ra lệnh cho các đơn vị bộ đội Bình Xuyên “mang theo toàn bộ vũ khí máy móc... tạm rút về đóng quân trên làng Phước An huyện Long Thành”.

Năm 1945, chắc chắn không phải ngẫu nhiên khi, để bảo vệ vốn quý của lực lượng vũ trang, chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài, Tư lệnh mặt trận số 4, Ba Dương đã chọn Phước An làm nơi đứng chân cho bộ đội của mình. Có thể trong cuộc đời “Mã thượng giang hồ” trước kia có lần ông đã qua mảnh đất này. Nhưng nếu không chỉ cần nghiên cứu trên bản đồ, với con mắt của một nhà quân sự, ông đã có thể hoàn toàn tin vào quyết định của mình.

Trên vòng cung rừng Sác còn chứa đầy bí ẩn ở Đông Nam Sài Gòn thời ấy, Phước An là doi đất lấn sâu hơn cả vào vùng đất sinh lầy đó. Với một địa hình phức tạp, vừa có rừng Giồng, ruộng vườn, vừa có rừng Sác lại thêm sở dừa Pê-ra rậm rạp ở

---

<sup>1</sup> Ủy ban hành chính kháng chiến Phước An do ông Phạm Chơn Nhơn làm chủ tịch. Hồ Văn Thảo đã đi khỏi xã theo lực lượng Bình Xuyên từ tháng 1-1946.

phía nam và đồng Ông Trúc đầy những cụm rừng um tùm trên vùng cát trắng phía đông, Phước An là nơi trú quân và cơ động rất thuận lợi cho những lực lượng lớn, địch khó có thể phát hiện. Đồng thời cũng có đủ điều kiện để nuôi quân, xây dựng căn cứ lâu dài với đất đai ruộng vườn rừng Giồng và tôm cá, cây củi rừng Sác.

Xuyên giữa Phước An là liên tỉnh lộ 19, theo đó về phía bắc – tây bắc sẽ đến vùng vựa lúa Phú Hữu, Phước Khánh, rồi qua sông Đồng Nai bằng bến Cát Lái để tới Thủ Đức, Sài Gòn. Cũng theo lộ 19 về phía bắc sẽ gặp lộ 15 từ đó có thể đi Biên Hòa hoặc ngược lại về Vũng Tàu. Đường thủy có thể từ rừng Sác theo sông Đồng Tranh về Nhà Bè, Sài Gòn hoặc sông Gò Giã, Thị Vải về Vũng Tàu rất dễ dàng.

Nhưng ngoài con đường công khai đó, trong rừng Giồng phía bắc Phước An, tiếp giáp với vùng rừng Lòng Chảo rộng lớn giữa lộ 17 và lộ 19, còn có hàng trăm con đường mòn, đường đất, đường khai khẩn lớn; nhỏ, nối liền với những con đường khác vươn dài ra mãi, theo đó, có thể bí mật vượt qua các trạm gác các trục lộ để đi tới Biên Hòa, chiến khu Đ vượt lộ 1 về khu năm (Vùng Tây Nguyên). Từ Bà Trường, trung tâm xã, còn có nhiều đường tới đồng Ông Trúc, rồi từ đó theo đường sông, đường bộ vượt qua lộ 15 về Phú Mỹ, Phước Thái, và sang vùng rừng già bao la của Bà Rịa, Long Khánh.

Ở phía nam, theo những ngọn, rạch, tác, chằng chịt như những con đường trăm lối dưới các tầng lá rậm rạp của bần, đước, rừng Sác có thể chuyển quân từ Phước An về Cần Giuộc, Cần Đước hay Gò Công, Bến Tre của khu 8 khu 9 (miền Trung và Tây nam Bộ) hoặc ngược lại để về Bà Rịa, Vũng Tàu.

Trong khi đó, đoạn lộ 19 của Phước An, bị kẹp rất gần hai bên bởi rừng Giồng và rừng Sác, lại rất không thuận lợi cho những cuộc hành quân càn quét của địch bằng cơ giới, vì bất kỳ chỗ nào cũng có thể bị tấn công từ nhiều phía. Ngày cả khi chúng đóng được chốt ở đây thì phạm vi kiểm soát cũng rất hẹp và khó mở rộng thêm được.

Ngoài những lợi thế về giao thông và địa hình Phước An còn hơn hẳn nhiều nơi khác ở chỗ, vùng đất hẻo lánh này lại không cách xa những căn cứ và những đường giao thông chiến lược quan trọng của địch. Đánh bộ có thể tiến công Thành Tuy Hạ, kho đạn lớn nhất Đông Dương thời Pháp và sau này cũng là kho bom đạn lớn thứ hai miền Nam của Mỹ ; có thể đánh lộ 15, con đường huyết mạch Sài Gòn, Biên Hòa, Vũng Tàu. Đánh thủy có thể chặn tàu trên sông Lòng Tàu, cở hòng Sài Gòn và với những đơn vị có sức cơ động lớn, có thể từ Phước An mở rộng hoạt động tới Long Thành, Biên Hòa, Nhà Bè...

Tầm quan trọng của vị trí Phước An ngay từ trước cách mạng tháng 8 đã được nhiều cán bộ hoạt động bí mật ở Long Thành chú ý tới.

Năm 1942, đồng chí Trịnh Văn Dục, người đảng viên đầu tiên được Đảng phái về Long Thành xây dựng phong trào cách mạng đã đến Phước An nhiều lần với ý định thành lập mở trạm giao thông cho đường dây Sài Gòn - Long Thành - Biên Hoà - Xuân Lộc của Đảng.

Tới đầu tháng 11, tất cả các đơn vị Bình Xuyên theo nhiều đường, nhiều hướng thủy, bộ đã hội quân đầy đủ ở Phước An. Bộ đội chiến đấu đóng rải trên các ấp Giồng